TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 -12-2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhặc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 415/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 410/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Hoàng Trúc G**, sinh năm 1995. Nơi cư trú: . Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh B. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Lê Mạnh Q,** sinh năm 1995. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện chị Nguyễn Hoàng Trúc G trình bày:

Chị G và anh Q tự nguyên tiến tới hôn nhân năm 2023, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã T, huyện M, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/5/2023. Trong thời gian chung sống do sự khác biệt về trình độ, điều kiện gia đình, môi trường làm việc nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù cả hai đã cố gắng, gia đình hai bên có hàn gắn cho vợ chồng nhưng vẫn không thể sống hoà hợp được. Mâu thuẫn trầm trọng, anh Q có hành vi đánh chị G và nhiều lần xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị G. Anh Q có nhận lỗi, hứa sẽ không tái phạm nhưng do tính cách nóng nảy nên không khắc phục được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Lê Mạnh Q vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh Q không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Hoàng Trúc G đối với anh Lê Mạnh Q thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Lê Mạnh Q có nơi cư trú tại xã xã T, huyện M, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Chị Nguyễn Hoàng Trúc G có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Lê Mạnh Q đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị G và anh Q theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hoàng Trúc G và anh Lê Mạnh Q tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã T, huyện M, tỉnh B nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị G cho rằng hôn nhân giữa chị và anh Q không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Q. Theo chị G trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có sự khác biệt về trình độ, điều kiện gia đình, môi trường làm việc nên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; anh Q có hành vi đánh chị G và nhiều lần xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị G, anh Q có nhận lỗi, hứa sẽ không tái phạm nhưng không khắc phục được. Quá trình Tòa án giải quyết thì anh Q không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa chị G và anh Q và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh Q đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị G trình bày không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung; anh Q vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên

tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh Q về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; anh Q vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh Q về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị G là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hoàng Trúc G, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hoàng Trúc G được ly hôn với anh Lê Mạnh Q.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Hoàng Trúc G trình bày không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Hoàng Trúc G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0003768 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre (1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Định Thuỷ (1b) ;

- Lưu HS, VP (3b) TC:9b .

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**